

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phú.

2. Ông Ngô Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng

Ngày 12/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXX-ST ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐ-ST ngày 26/4/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Mạnh Th, sinh năm: 1981. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Minh Phụng, xã Nham S (nay là tổ dân phố Minh Phụng, thị trấn Nham B, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Minh Phụng, xã Nham S (nay là tổ dân phố Minh Phụng, thị trấn Nham B, huyện Yên D, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị Th1 tại Việt Nam là thôn Minh Phụng, xã Nham S (nay là tổ dân phố Minh Phụng, thị trấn Nham B, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai ngày 16/3/2022 và các bản khai tiếp theo, nguyên đơn anh Trần Mạnh Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15 tháng 10 năm 2003 anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị Th1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nham S(nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Nham B), huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang, được Ủy ban nhân dân xã Nham S cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không cùng tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống. Đã nhiều lần bố mẹ hai bên và bạn bè hòa giải động viên, nhưng đến nay vợ chồng vẫn không thể có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2020 chị Th1 đã đi xuất khẩu lao động tại Ma Cao, từ khi đi nước ngoài chị Th1 không liên lạc gì với anh, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh đã nhiều lần yêu cầu chị Th1 về để đoàn tụ gia đình nhưng chị Th1 không về. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th1.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 27/02/2017 và Trần Mạnh T1, sinh ngày 30/12/2004. Hiện nay, hai cháu T1 và Tài đang ở với anh, ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Th còn trình bày: Hiện nay, chị Th1 vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Th1 ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu anh không liên lạc được với chị Th1, chị Th1 vẫn liên lạc về cho bố mẹ để chị Th1 là ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị H, trú tại: xóm Huyện, xã Tiến D, huyện Yên D, tỉnh Bnhưng ông B và bà H cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Th1 được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Th1.

Tại đơn trình bày cháu Trần Mạnh T1 trình bày: Cháu là con của bố Trần Mạnh Th và mẹ Nguyễn Thị Th1, hiện nay cháu đang ở cùng với bố cháu là Trần Mạnh Th. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Trần Mạnh Th.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th1 không có bản tự khai.

Ngày 21/3/2022 và ngày 30/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Th1 là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953; trú tại: Xóm

Huyện, xã Tiến D, huyện Yên D, tỉnh Bđề giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Bthông báo cho chị Th1 biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bđang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th1; yêu cầu chị Th1 viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Bcung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th1 ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông Bvẫn giữ nguyên quan điểm là chị Th1 ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại và qua mạng xã hội nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th1 ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Th1, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Th1 biết để chị Th1 gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Th1 gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Mạnh Th vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Th1 vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Th; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị Th1 là ông Nguyễn Văn Bảo, đơn đề nghị của cháu Trần Mạnh Tùng và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bphát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Trần Mạnh Th có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Th1 không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Th1; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Th1 là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1,3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mạnh Th.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Mạnh Th được ly hôn chị Nguyễn Thị Th1.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 30/12/2004 cho anh Trần Mạnh Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh Th không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Th1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th1 thực hiện quyền này.

Về án phí : Anh Trần Mạnh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Mạnh Th là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Trần Mạnh Th.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Th1 vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bđã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Th1 là ông Nguyễn Văn Bđể giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Bthông báo cho chị Th1 biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bđang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th1; Yêu cầu chị Th1 viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Bcung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th1 ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn Btrình bày: Chị Th1 ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Bvẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Th1 cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Th1 biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Th1 theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Trần Mạnh Th là nguyên đơn có đơn xin ly chị Nguyễn Thị Th1, chị Th1 hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 6201/QLXNC-P5 ngày 28/3/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Th1 đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần gần nhất là ngày 06/02/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của chị Th1 ở Việt Nam là: Thôn Minh Phượng, xã Nham S (nay là tổ dân phố Minh Phượng, thị trấn Nham B) huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th1 kết hôn ngày 15/10/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nham Sơn, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Th trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không cùng tiếng nói chung và bất

đồng quan điểm sống. Đã nhiều lần bố mẹ hai bên và bạn bè hòa giải động viên, nhưng đến nay vợ chồng vẫn không thể có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2020 chị Th1 đã đi xuất khẩu lao động tại Ma cao, từ khi đi nước ngoài chị Th1 không liên lạc gì với anh, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh đã nhiều lần yêu cầu chị Th1 về để đoàn tụ gia đình nhưng chị Th1 không về. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th1.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Mạnh Th. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Th và chị Th1 chung sống với nhau hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020 chị Th1 đã đi xuất khẩu lao động, từ khi đi nước ngoài thì chị Th1 không còn liên lạc gì với anh Th nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Th và chị Th1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th. Xử cho anh Trần Mạnh Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th1.

[4]. Về con chung: Anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th1 có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 30/12/2004. Hiện nay hai cháu T1, cháu T đang ở với anh Th, ly hôn anh Th đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị Th1 phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Th.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Th: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị Th1 đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặc dù gia đình chị Th1 có nguyện vọng giao con chung cho chị Th1 nuôi nhưng chị Nguyễn Thị Th1 từ khi đi nước ngoài thì 2 cháu Trần Mạnh T1 và Trần Văn T vẫn do anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Mạnh Th về nuôi con chung. Giao cho anh Trần Mạnh Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 30/12/2004 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Th1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Th1 thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Th1 về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Trần Mạnh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Trần Mạnh Th phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Mạnh Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th1.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Mạnh Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 30/12/2004 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Th1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th1 thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Th1 về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Anh Trần Mạnh Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000347 ngày 16/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Trần Mạnh Th đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Mạnh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Th1 hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT Nham Biền, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú Ngô Văn Bê

Trần Thị Hà

